

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 642/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Trần Như B, sinh năm: 1992; Địa chỉ: 247/3, Khu phố 31, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Trương Ngọc M, sinh năm 1985; Địa chỉ: 247/3, Khu phố 31, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Như B và ông Trương Ngọc M thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Ngọc V, sinh ngày 12/02/2016. Hai bên thỏa thuận, bà Trần Như B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, ông Trương Ngọc M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 30 hàng tháng bắt đầu từ khi có Quyết định có hiệu lực.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự về hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Trương Ngọc M tự nguyện nộp. Ông Trương Ngọc M đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Toà án số 0020529 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nên được cản trừ. Ông Mẫn đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

[6] Về các vấn đề khác: Không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Như B và ông Trương Ngọc M thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyền số 01/2015 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/4/2015 không còn hiệu lực pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trương Ngọc V, sinh ngày 12/02/2016. Hai bên thỏa thuận, bà Trần Như B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, ông Trương Ngọc M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 30 hàng tháng bắt đầu từ khi có Quyết định có hiệu lực.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Trương Ngọc M tự nguyện nộp. Ông Trương Ngọc M đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0020529 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nên được cản trừ. Ông Mẫn đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND KV7;
- THADS Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Hương